

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 06/2020/DS-ST.
Ngày: 07-7-2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Lê;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm: 1971; ông Phan Hồng K, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Bà T có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Hồng K: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1971; cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2019; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc V, sinh năm: 1972; bà Tô Thị Kim T, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Từ năm 2014 đến năm 2017, vợ chồng bà có hợp đồng miệng về việc mua bán đất để làm chôn với vợ chồng Đặng Ngọc V, bà Tô Thị Kim T. Đến năm 2017, vợ chồng ông V, bà T mua của vợ chồng bà 06 tấn

đốt với số tiền 160.000.000 đồng. Ông V đã trả cho vợ chồng bà ba lần tổng cộng 62.000.000 đồng, một lần cân trả 595 kg đốt trị giá 16.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 78.000.000 đồng, còn lại 82.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu ông V, bà T phải trả số tiền còn nợ nói trên, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 82.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Ngọc V, bà Tô Thị Kim T phải trả cho nguyên đơn số tiền 82.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Từ năm 2014 đến năm 2017, vợ chồng ông Đặng Ngọc V, bà Tô Thị Kim T có xác lập hợp đồng miệng về việc mua bán đốt với vợ chồng bà Lê Thị T, ông Phan Hồng K. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên mua bán và trả tiền theo thỏa thuận. Theo nguyên đơn trình bày, đến nay, bị đơn còn nợ của nguyên đơn 82.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền này.

Xét thấy, tại Giấy chứng nhận ngày 23/8/2019, bị đơn ông Đặng Ngọc V có viết giấy thừa nhận vợ chồng ông có mua của ông Phan Hồng K sáu tấn đốt với số tiền là 160.000.000 đồng, đã trả lần 62.000.000 đồng và cân trả 595kg đốt, thành tiền là 16.000.000 đồng, cố gắng trả số còn lại cho ông K. Do vậy, có đủ cơ sở để xác định ông V, bà T còn nợ của vợ chồng ông K, bà T số tiền 82.000.000 đồng; nay bà T, ông K yêu cầu ông V, bà T trả số tiền này là có căn

cứ, đúng quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Lê Thị T, ông Phan Hồng K.

Buộc bị đơn ông Đặng Ngọc V, bà Tô Thị Kim T phải trả cho nguyên đơn vợ chồng bà Lê Thị T, ông Phan Hồng K số tiền 82.000.000 (Tám mươi hai triệu) đồng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đặng Ngọc V, bà Tô Thị Kim T phải chịu 4.100.000 (Bốn triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 2.050.000 (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0013604 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa